

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số : 217/2018/DS-PT  
Ngày: 19/9/2018  
V/v “Tranh chấp về hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng

Ông Sỹ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06/9 và 19/9/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLPT- DS ngày 25 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/ DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2018/QĐ – PT ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đoàn Tấn P - sinh năm 1977;

Dương Trí K - sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C - Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông Vũ Tuấn A – sinh năm 1970; Địa chỉ: 103 đường C, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Trần Văn Lập - sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyễn Thị Ngọc H; địa chỉ: 12/235 đường 868, phường 5, thị xã C, tỉnh T là Luật sư của Văn phòng luật sư Gia Q Luật thuộc đoàn luật sư Thành Phố H.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đỗ Thị Tr - sinh năm 1956;

Trần Thị Bích T - sinh năm 1980;

Trần Thị T1 - sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C - Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo ông Trần Văn L là bị đơn và bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị Bích T và chị Trần Thị T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện của ông Đoàn Tấn P, ông Dương Trí K và lời trình bày của người đại diện của Ông P và ông K là anh Vũ Tuấn A thì Ông P và ông K có vốn kinh doanh bán thức ăn thủy sản; tên đăng ký kinh doanh là Cửa hàng Minh Đ; địa chỉ là tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vào năm 2015, nguyên đơn (Cửa hàng Minh Đ) có hợp đồng miệng bán thức ăn thủy sản cho hộ ông Trần Văn L ở ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; phương thức giao hàng thì khi nào phía ông P gọi điện thoại yêu cầu thì phía nguyên đơn chở hàng đến giao tại các bè cá (vèo cá) của ông P; khi giao hàng thì phía ông P ký nhận vào sổ giao nhận hàng; giá cả được hai bên thương lượng và thống nhất trước khi giao nhận hàng; thời điểm thanh toán là khi phía ông P bán cá (thu hoạch); hợp đồng được bắt đầu thực hiện từ ngày 15/5/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, giai đoạn đầu, phía ông P cũng có thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cụ thể là các lần trả tiền mặt và chuyển khoản cho nguyên đơn. Tính đến ngày 15/8/2016 thì phía ông P còn nợ chưa thanh toán là 215.000.000đ nhưng phía nguyên đơn vẫn giao hàng tiếp cho đến ngày 31/01/2017 với số lượng thức ăn bằng tiền là 1.517.520.000đ. Như vậy, lúc đó tổng cộng tiền thức ăn phía ông P phải thanh toán là 1.732.520.000đ và cũng trong thời gian này, tính đến ngày 31/01/2017 thì ông P đã thanh toán được tổng cộng 1.240.000.000đ (thông qua 06 lần), còn nợ lại 492.520.000đ. Sau đó phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay phía ông P vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

Nay Ông P và ông K yêu cầu ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông P, ông K số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ tổng cộng là 492.520.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 14/02/2017 đến nay (ngày 14/03/2018)

là 13 tháng = 48.020.000đ, tổng cộng gốc và lãi 540.540.000đ.

- Ông Trần Thanh H (đại diện hợp pháp của ông P, chị Tr và chị T) trình bày: Ông P và bà Tr là vợ chồng; chị T1 và chị T là con của ông P, bà Tr. Mặc dù ông P, bà Tr, chị T1 và chị T sống chung hộ với nhau từ trước đến nay (ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) nhưng đối với chị T1 thì có làm ăn, kinh tế riêng. Cụ thể là từ năm 2015 chị T1 có nuôi một số vèo cá (bè cá) cách nhà khoảng 03km. Còn ông P (là chủ hộ) cũng có nuôi các hầm cá tại vị trí cách nhà khoảng 10km và mua thức ăn thủy sản của người khác, không phải của nguyên đơn.

Đối với số tiền thức ăn thủy sản mà nguyên đơn khởi kiện đối với ông P cùng các thành viên còn lại trong hộ phải trả, thì ông P, bà Tr và chị T không đồng ý vì đây là hợp đồng giữa phía nguyên đơn với chị T1, chứ ông P, chị Tr và chị T không hay biết và liên quan, nên không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với chị T1. Việc trong sổ giao nhận hàng của nguyên đơn cung cấp có ghi tên “Bác Bảy” thì ông H xác định là mặc dù “Bác Bảy” là tên thường gọi và là thứ của ông P nhưng hợp đồng này không phải của ông P mà là của chị T1 nên trong sổ giao nhận hàng đó phần lớn đều do chị T1 ký nhận.

Chị Trần Thị T1 trình bày: chị thừa nhận là con của ông P, sống chung và có cùng hộ khẩu với ông P nhưng chị có làm kinh tế riêng, cụ thể là nuôi các vèo cá (bè cá) cách nhà khoảng 03km từ năm 2015 như ông H trình bày và ngay từ đầu thì chị hợp đồng mua thức ăn thủy sản với nguyên đơn. Chị xác định hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản mà nguyên đơn đang tranh chấp trong vụ án là hợp đồng giữa các nguyên đơn với chị chứ không có liên quan gì đến ông P, chị Tr, chị T, điều này được chứng minh bằng việc trong hầu hết các lần giao nhận hàng thì đều do chị ký nhận và những lần thanh toán tiền. Nay chị cũng thừa nhận kể từ sau khi không còn mua thức ăn thủy sản của nguyên đơn đến nay thì chị còn nợ nguyên đơn số tiền 492.520.000đ (tiền gốc). Nên nay chị đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 492.520.000đ và tiền lãi là 48.020.000đ, tổng cộng gốc và lãi 540.540.000đ.

\* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 19/2018/DS-ST, ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K.

- Buộc ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K số tiền nợ mua bán thức ăn thủy sản gốc là 492.520.000đ, tiền lãi là 48.020.000đ, tổng cộng gốc và lãi 540.540.000đ (*Năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Trần Văn Lập, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Bích T phải liên đới chịu 25.621.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 12.300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 16337 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2018, ông P kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử chỉ buộc chị T1 có trách nhiệm trả cho anh P và anh K số tiền mua bán thức ăn vốn và lãi tổng cộng là 540.540.000 đồng vì ông không có hợp đồng trực tiếp mua bán với T, K; các lần nhận thức ăn là do T1 ký nhận ông không có ký. Số tiền 600.000.000 đồng là tiền mượn tạm của chị T1 để trả nợ ngân hàng, sau đó ngân hàng giải ngân thì ông có chuyển trả cho anh Phát, anh K, do vậy buộc ông liên đới trả là không có căn cứ.

Ngày 19/4/2018, chị Tr kháng cáo với lý do Tòa sơ thẩm xét đã xử buộc bà có nghĩa vụ liên đới cùng chị T1 trả nợ là không có căn cứ, mà nghĩa vụ trả nợ chỉ thuộc về chị T1.

Ngày 19/4/2018, chị T kháng cáo với lý do Tòa sơ thẩm xét đã xử buộc chị liên đới cùng chị T1 trả nợ là không có căn cứ mà nghĩa vụ trả nợ thuộc về chị T1, mặc dù chị có ký nhận một vài lần trên sổ giao nhận thức ăn nhưng là do những lúc đó chị T1 không có nhà.

Ngày 19/4/2018, chị T1 kháng cáo với lý do Tòa sơ thẩm xét đã xử buộc

gia đình chị là ông P, chị Tr và chị T liên đới cùng chị trả nợ là không có căn cứ mà trách nhiệm trả nợ là của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông P, chị Tr, chị T vẫn giữ nội dung đơn kháng cáo là không đồng ý liên đới cùng Thật trả tiền mua bán thức ăn cho anh T và anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T1 vẫn giữ nội dung đơn kháng cáo là không đồng ý liên đới liên đới cùng ông P, chị Tr, chị T cùng trả tiền mua bán thức ăn cho anh T và anh K mà chị yêu cầu số tiền vốn và lãi là 540.540.000 đồng sẽ do một mình chị trả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông P, chị Tr, chị T1 và chị T kháng cáo cho rằng việc mua bán thức ăn với cửa hàng Minh Đ là do chị T1 mua chứ ông P, chị Tr, chị T không biết nên không đồng ý liên đới cùng chị T1 trả số nợ tiền thức ăn vốn và lãi là 540.540.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, chị Tr, chị T1, chị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L cho rằng phiếu thanh toán qua ngân hàng 600.000.000đ mà nguyên đơn xuất trình là phiếu thanh toán mà do khi đáo nợ Ngân hàng ông không có tiền nên ông đã vay mượn tiền của chị T1 để trả cho ngân hàng, đến khi đáo hạn lại được thì ông đã trả lại cho chị T1, nên chị T1 nhờ ông chuyển trả tiền mua thức ăn cho cửa hàng Minh Đ nên ông mới đứng tên chuyển dùm cho chị T1. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông lại cho rằng số tiền 600.000.000 đồng này là số tiền vay của ông P với các nguyên đơn, nên ông P chuyển trả cho các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai trên của ông P là mâu thuẫn với lời trình bày của ông H là người đại diện hợp pháp của ông và cũng không có gì để chứng minh; trong khi đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng không thừa nhận lời trình bày này của ông P; mặt khác, trong nội dung phiếu chuyển tiền đã ghi rõ ràng là “*chuyển trả tiền hàng*”; nên việc ông P cho

rằng phiếu chuyển tiền này là ông chuyển trả tiền dùm cho T1 là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với chị Tr thì chị Tr thừa nhận vào năm 2015 bà có hợp đồng mua bán thức ăn với cửa hàng Minh Đ, hợp đồng miệng như cửa hàng Minh Đ trình bày nhưng khi nuôi cá có lãi thì con bà là chị T1 xin nuôi để kiếm thu nhập, tức làm kinh tế riêng, nên bà có để lại các vèo cá này cho chị T1 nuôi; việc chuyển giao này bà có báo cho cửa hàng Minh Đ biết. Nhưng lời trình bày này của chị Tr không gì để chứng minh, trong khi không được phía nguyên đơn thừa nhận mà cho rằng chỉ bán thức ăn cho gia đình ông P (Bác Bảy) thông qua và giao dịch trực tiếp với ông P, còn việc chị Tr cho rằng đã giao các vèo cá lại cho chị T1 nuôi làm kinh tế riêng thì các nguyên đơn không biết, nên Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận lời trình bày của chị Tr.

Đối với chị T, cho rằng chị chỉ ký nhận thức ăn dùm cho chị T1 những lúc chị T1 không có mặt chứ thực tế thì các vèo cá này là do chị T1 nuôi riêng, không còn liên quan gì với gia đình, nhưng chị T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với chị T1 cho rằng việc mua thức ăn với cửa hàng Minh Đ là hợp đồng giữa chị với nguyên đơn, do chị tự làm ăn riêng chứ không phải của cả gia đình chị và do làm ăn thua lỗ nên đến nay chị chưa trả tiền cho nguyên đơn. Chị còn trình bày khi bà ông P, chị Tr cho lại các bè này để chị nuôi cá thì chị có báo với nguyên đơn. Ngoài ra, chị T1 cho rằng sổ giao nhận hàng hầu hết đều do chị ký nhận nên cũng chứng minh đây là hợp đồng giữa chị với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: trong sổ giao hàng thì mặc dù phần lớn do chị T1 ký nhận, nhưng cũng có khi chị Tr và chị T cũng có ký nhận. Mặt khác, theo cách ghi trên sổ giao nhận hàng thì thể hiện bên mua hàng là “Bác Bảy” tức là ông P còn việc chị T1 hay chị Tr, chị T có ký tên nhận hàng cũng là phù hợp với tập quán về sinh hoạt, quan hệ gia đình; vì chị T1, chị Tr, chị T cũng thành viên trong hộ gia đình với ông P, nên không có cơ sở cho rằng việc chị T1 ký nhận phần lớn các lần giao hàng thì hợp đồng này chỉ là hợp đồng với chị T1. Hơn nữa, phía ông P, chị Tr, chị T và chị T1 cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản là hợp đồng giữa nguyên đơn với chị T1. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy ông P, chị Tr, chị T1 và chị T là những thành viên hộ gia đình và có quan hệ huyết thống; chị T1, chị Tr và chị T cũng đều có ký nhận hàng, nên xác định hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản này là nhằm phát triển kinh tế của hộ gia đình chứ không riêng của cá nhân nào, vì vậy nguyên

đơn yêu cầu ông P, chị Tr, chị T, chị T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trong vụ án là có căn cứ, nên không chấp nhận lời trình bày của chị T1.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn L trình bày: Xét về giao dịch dân sự giữa hai bên là hợp đồng miệng, tuy nhiên trong đơn khởi kiện các nguyên đơn cho rằng ông P nuôi cá sử dụng cho gia đình ông P nhưng đối với hợp đồng này thì ông P không phải là người đại diện cho hộ và ông P có nuôi cá chỗ khác không có nuôi cùng chị T1. Ngoài ra chị T1 cũng thừa nhận có nuôi riêng. Tại bảng xác nhận nợ số tiền 215.000.000 đồng thì chị T1 cũng ký xác nhận và các lần trả tiền thức ăn thì đều do chị T1 trả. Tòa sơ thẩm đã nhận định hộ gia đình ông P gồm: ông P, chị Tr, chị T, chị T1 là chưa phù hợp vì hộ ông P còn nhiều người; ngoài ra, việc ghi tên “Bác Bảy” là để cho người giao hàng dễ tìm nhà để giao hàng, khi chuyển trả tiền nợ hàng thì ông P xác định là có mượn chị T1 600.000.000 đồng sau đó chuyển trả lại cho chị T1 bằng cách chuyển trả tiền thức ăn cho chị T1, do số tiền vay lớn nên ông P không rút ra được nên mới chuyển khoản qua thông qua ngân hàng cho cửa hàng Minh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của luật sư như trên là chưa có căn cứ theo như nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P, chị Tr, chị T và chị T1 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông P, chị Tr, chị T và chị T1.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu của ông P, chị Tr, chị T, chị T1 không được chấp nhận nên ông P, chị Tr, chị T, chị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm chị T1 có đơn xin miễn giảm án phí sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy theo nội dung đơn này thì chị T1 không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên Hội

đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị Bích T và chị Trần Thị T1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K.

- Buộc ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K số tiền nợ mua bán thức ăn thủy sản gốc là 492.520.000đ, lãi là 48.020.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 540.540.000đ (*Năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Bích T2 phải liên đới chịu 25.621.600đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Đoàn Tấn P và ông Dương Trí K không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 12.300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 16337 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L, bà Đỗ Thị Tr, chị Trần Thị Bích T, chị Trần Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04592 ngày 27/4/2018; chị Tr được khấu trừ 300.000



đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04593 ngày 24/4/2018; chị T được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04591 ngày 27/4/2018; chị T1 được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04594 ngày 27/4/2018 (ông P, chị Tr, chị T, chị T1 đã nộp xong).

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**